

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2023

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh
Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
44/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng
3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hợp Tác Xã, xã Tân H1, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân H1, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N năm 1995 được sự thống nhất của hai bên gia đình chị và anh Trần Văn N đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, dẫn đến cự cãi kéo dài, hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không thành, chị và anh N đã ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì vì chị không còn tình cảm với anh N. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh N và chị có 02 con chung tên: Trần Trọng Nguyễn sinh năm 1996 và Trần Trọng Khái sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 22/3/2023, chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và do điều kiện công việc đi lại khó khăn nên chị yêu cầu Tòa án vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm.

** Đối với bị đơn là anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn N là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Trần Văn N là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh Trần Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng chị H cho rằng chị và anh N không đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh N và chị có 02 con chung tên: Trần Trọng Nguyễn sinh năm 1996 và Trần Trọng Khải sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, Trần Trọng Nguyễn và Trần Trọng Khải đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng:

Về tài sản chung: Chị H xác định chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị H xác định chị và anh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 01 tháng 02 năm 2023 chị H có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008762 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tăng Thị Nhó

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mầm

Nguyễn Thanh Tùng

Tăng Thị Nhớ

